

Số: /TC - STP

Tuyên Quang, ngày tháng 12 năm 2024

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2024

Thực hiện quy định tại điểm c khoản 3 phần IV Điều 1 Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “*Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân*”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2024, như sau:

I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 12 năm 2024, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật (10 nghị quyết, 12 quyết định), gồm:

1. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh

1.1. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý.

1.2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 Quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.3. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.4. Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020

của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.5. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt mới, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.6. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm và cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.7. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030.

1.8. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Bãi bỏ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.9. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

1.10. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định mức cấp kinh phí, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số chính sách về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.2. Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 ban hành Quy định tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.3. Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 Bãi bỏ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc

ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.4. Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 Bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hóa chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.5. Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.6. Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.7. Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang;

2.8. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.9. Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.10. Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá; thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2.11. Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 14 cây trồng (Mận bản địa; Na thái; Hành lấy củ; Tỏi lấy củ; Húng quế; Húng chanh; Tía tô; Thì là; Rau mùi; Mướp đắng rừng; Mã đề; Bạc hà; Cà gai leo; Thanh cao hoa vàng) và 02 vật nuôi (Hươu sao; Ốc bươu) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2.12. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND)

1.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

1.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Bãi bỏ Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND) để thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 62/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do ngân sách nhà nước thanh toán; giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do Quỹ Bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

1.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều, cụ thể: (1) Điều 1 quy định bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 08/2024/NQ-HĐND ngày 04/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước thuộc tỉnh Tuyên Quang quản lý; (2) Điều 2 quy định về tổ chức thực hiện; (3) Điều 3 quy định về hiệu lực thi hành.

2. Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 Quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND)

2.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2024.

2.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 01/7/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 76/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó khoản 2, 3 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP) quy định:

“2. Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng.

Tùy theo khả năng cân đối của ngân sách, tốc độ tăng giá tiêu dùng và tình hình đời sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cơ quan có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh tăng mức chuẩn trợ giúp xã hội cho phù hợp; bảo đảm tương quan chính sách đối với các đối tượng khác.

3. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:

a) Mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội áp dụng trên địa bàn cao hơn mức chuẩn trợ giúp xã hội và mức trợ giúp xã hội quy định tại Nghị định này”.

Căn cứ quy định trên, cần thiết phải ban hành Nghị quyết quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND, ngày 20/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết để quy định mức trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội cho phù hợp với mức chuẩn quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP.

2.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND gồm 05 điều, cụ thể:

- *Điều 1:* Quy định về phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

- *Điều 2:* Quy định về mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng và mức hỗ trợ chi phí mai táng khi chết, theo đó:

+ Mức trợ cấp nuôi dưỡng hằng tháng cho mỗi đối tượng bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP) nhân với hệ số tương ứng, cụ thể như sau: (1) Hệ số 6,5 đối với trẻ em dưới 04 tuổi; (2) Hệ số 5,5 đối với các đối tượng từ đủ 04 tuổi trở lên.

+ Mức hỗ trợ chi phí mai táng khi chết theo mức chi thực tế nhưng không thấp hơn 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP).

- *Điều 3:* Quy định về kinh phí thực hiện.

- *Điều 4, Điều 5:* Quy định về tổ chức thực hiện, hiệu lực thi hành.

3. Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND*)

3.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

3.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 138/2024/NĐ-CP ngày 24/10/2024 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng:

“Điều 5. Lập dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí mua sắm tài sản, trang thiết bị:

b) Đối với nhiệm vụ mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ

vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Điều 8. Lập dự toán đối với nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

2. Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.”

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; quy định phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang làm căn cứ để tổ chức phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí để làm cơ sở, căn cứ lập dự toán kinh phí của năm kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh (Điều 1); Đối tượng áp dụng (Điều 2); Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước (Điều 3); Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (Điều 4); Tổ chức thực hiện (Điều 5); Hiệu lực thi hành (Điều 6).

4. Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển

sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND)

4.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

4.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 15/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Qua quá trình triển khai thực hiện một số nội dung quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, do đó cần thiết phải ban hành Nghị quyết để sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND.

b) Mục đích ban hành

Nghị quyết để sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

4.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều, quy định về: Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Điều 1*); Tổ chức thực hiện (*Điều 2*); Điều khoản thi hành (*Điều 3*).

5. Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt mới, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND)

5.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

5.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 5 Điều 57 Luật Đường bộ năm 2024:

“Điều 57. Vận tải hành khách bằng xe ô tô

...4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nguồn lực địa phương quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé”.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ nhằm phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt kết nối đồng bộ và tương thích giữa các loại hình vận tải trong tỉnh, từ trung tâm thành phố đến trung tâm các huyện, thành phố, khu du lịch, công nghiệp, thương mại, trường học... Phát triển vận tải hành khách công cộng để khuyến khích người dân sử dụng xe buýt, hạn chế sử dụng phương tiện cá nhân, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tạo ra không gian sống xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường, văn minh đô thị để thành phố Tuyên Quang cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại I đến năm 2030. Nâng cao chất lượng phương tiện vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, bảo đảm đầu tư phương tiện phù hợp với hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông và nhu cầu đi lại của người dân, góp phần an sinh xã hội, hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân khi tham gia dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; phát huy được nội lực, thu hút được mọi thành phần kinh tế từ nhiều nguồn lực, xã hội hóa vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

5.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 21/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (*Điều 1*); Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư mua phương tiện xe buýt mới, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (*Điều 2*); Hỗ trợ giá vé cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (*Điều 3*); Nguồn kinh phí hỗ trợ (*Điều 4*); Tổ chức thực hiện (*Điều 5*); Hiệu lực thi hành (*Điều 6*).

6. Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí đăng ký biện pháp bảo đảm và cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND)

6.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang

Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND.

6.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 26/7/2017, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang *(đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 09/2018/NQ-HĐND ngày 26/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND ngày 26/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang)*. Đến nay một số nội dung, mức thu không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành nên cần thiết phải ban hành Nghị quyết để thay thế Nghị quyết số 11/2017/NQ-HĐND.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết để quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng ký và cung cấp thông tin giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phù hợp với quy định tại Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Thông tư số 85/2019/TTBTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương *(được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 106/2021/TT-BTC)* và bảo đảm tương quan với mức thu phí quy định tại Thông tư số 61/2023/TT-BTC ngày 28/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm.

6.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 22/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh *(Điều 1)*; Đối tượng áp dụng *(Điều 2)*; Mức thu phí *(Điều 3)*; Quản lý và sử dụng phí *(Điều 4)*; Tổ chức thực hiện *(Điều 5)*; Điều khoản thi hành *(Điều 6)*.

7. Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV chưa có thẻ bảo hiểm y

tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND)

7.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2024.

7.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 75/2023/NĐ-CP ngày 19/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật bảo hiểm y tế:

“Điều 8. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

...3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định:

a) Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

b) Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này;

c) Đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ cùng chi trả chi phí khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế cho người tham gia bảo hiểm y tế khi đi khám bệnh, chữa bệnh”.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết để quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV chưa có thẻ bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025-2030.

7.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND gồm 04 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (*Điều 1*); Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, thời gian hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện (*Điều 2*); Tổ chức thực hiện (*Điều 3*); Hiệu lực thi hành (*Điều 4*).

8. Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Bãi bỏ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp,

doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND)

8.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

8.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 12/12/2013, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đến nay một chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác và không còn phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, do đó cần thiết phải ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND để thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

8.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND gồm 02 điều, quy định về: Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Về cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, doanh nhân đầu tư nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, xác lập quyền sở hữu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Điều 1); Điều khoản thi hành (Điều 2).

9. Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về người hoạt động không chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND)

9.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

9.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 07/12/2023, Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND Quy định về người hoạt động không

chuyên trách; người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; khoán kinh phí hoạt động ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND chưa quy định việc kiêm nhiệm của người hoạt động không chuyên trách đối với chức danh Phó Chủ tịch Hội người cao tuổi ở cấp xã, Nhân viên y tế ở thôn, tổ dân phố; Thôn đội trưởng. Do vậy, để bảo đảm việc bố trí kiêm nhiệm và thực hiện chi trả phụ cấp kiêm nhiệm có căn cứ pháp lý, thống nhất thì cần thiết phải sửa đổi khoản 5 Điều 2 và Điều 4 của Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND, làm cơ sở để bố trí kiêm nhiệm và chi trả phụ cấp kiêm nhiệm thực hiện nhiệm vụ của người trực tiếp tham gia hoạt động của thôn, tổ dân phố.

9.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 25/2024/NQ-HĐND gồm 03 điều, quy định về: sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND (*Điều 1*); Tổ chức thực hiện (*Điều 2*); Hiệu lực thi hành (*Điều 3*).

10. Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND ngày 26/12/2024 Quy định mức cấp kinh phí, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện một số chính sách về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND)

10.1. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2025.

10.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 15, Khoản 2 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp:

“Điều 15. Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn

2. Đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân

Được ngân sách địa phương hỗ trợ lãi suất vay thương mại như sau:

e) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ chênh lệch lãi suất cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương;

Điều 27. Cơ chế đầu tư, hỗ trợ đầu tư

3. *Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.*”

b) Mục đích ban hành

Ban hành Nghị quyết quy định cụ thể các mức đầu tư, mức hỗ trợ đầu tư, mức hỗ trợ lãi suất tín dụng trong lâm nghiệp và mức khoán bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang làm căn cứ tổ chức thực hiện các cơ chế chính sách trên địa bàn tỉnh đảm bảo thống nhất, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Làm cơ sở phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, chế biến lâm sản đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách. Khuyến khích, vận động các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia, đóng góp nguồn lực bảo vệ, phát triển rừng, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

10.3. Nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND

Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND gồm 06 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh (*Điều 1*); Đối tượng áp dụng (*Điều 2*); Nguyên tắc (*Điều 3*); Quy định cụ thể mức cấp, hỗ trợ kinh phí (*Điều 4*); Tổ chức thực hiện (*Điều 5*); Hiệu lực thi hành (*Điều 6*).

11. Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND ngày 15/12/2024 Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND*)

11.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2024.

11.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 24/9/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND Ban hành Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND*). Tại khoản 1 Điều 12 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND quy định Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu được thưởng tiền bằng 1,5 lần mức lương cơ sở. Mức thưởng nêu trên còn thấp, do đó cần thiết ban hành quyết định để sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 12 Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo hướng tăng mức thưởng tiền cho “Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu”.

b) Mục đích ban hành

Ban hành quyết định để sửa đổi bổ sung khoản 1 Điều 12 Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để tăng mức thưởng tiền cho "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

11.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND

Quyết định số 44/2024/QĐ-UBND gồm 02 điều, cụ thể:

- *Điều 1:* Quy định về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 12 Quy chế xét chọn, tôn vinh danh hiệu "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Theo đó, "Trí thức khoa học và công nghệ tiêu biểu" được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng, giấy chứng nhận và tiền thưởng bằng 05 lần mức lương cơ sở tại thời điểm tổ chức tôn vinh.

- *Điều 2:* Quy định về điều khoản thi hành.

12. Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 ban hành Quy định tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND*)

12.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

12.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 8 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ Quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố: "*Điều 36. Tiêu chuẩn, nhiệm vụ, bầu cử, tuyển chọn, tiếp nhận, sử dụng, quản lý, đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật và bãi nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã*

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này, quy định của điều lệ tổ chức mà người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã là thành viên và quy định của pháp luật có liên quan để quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng đối với từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã cho phù hợp với thực tiễn của từng địa phương."

b) Mục đích ban hành

Ban hành quyết định nhằm tạo cơ sở pháp lý trong công tác tuyển chọn,

quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trên địa bàn tỉnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc thực hiện các quy định về tuyển chọn, quản lý và sử dụng đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã; đẩy mạnh phân cấp theo chủ trương của Chính phủ, góp phần phát huy tính chủ động, trách nhiệm, tinh thần sáng tạo của địa phương.

12.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND

a) *Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND gồm 02 điều, quy định về:* (1) Ban hành kèm theo Quyết định Quy định tuyển chọn, quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Điều 1*); (2) Điều khoản thi hành (*Điều 2*).

b) *Quy định tuyển chọn, quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang:* Gồm 04 chương, 16 điều, cụ thể:

- *Chương I. Quy định chung:* Gồm 03 điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh, (2) Đối tượng áp dụng, (3) Nguyên tắc áp dụng.

- *Chương II. Tuyển chọn và phân công nhiệm vụ đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã:* Gồm 06 điều, quy định về: (1) Bầu cử, tuyển chọn, (2) Nguyên tắc tuyển chọn, (3) Đối tượng ưu tiên tuyển chọn; (4) Hình thức tuyển chọn; (5) Xác định người trúng tuyển trong kỳ tuyển chọn; (6) Phân công nhiệm vụ.

- *Chương III. Quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã:* Gồm 03 điều, quy định về: (1) Đánh giá, xếp loại, khen thưởng, kỷ luật; (2) Bãi nhiệm, miễn nhiệm và giải quyết thôi việc; (3) Tiếp nhận và chuyển đổi chức danh.

- *Chương IV. Tổ chức thực hiện:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Nội vụ; (2) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện; (3) Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã; (4) Quy định chuyển tiếp.

13. Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 Bãi bỏ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND)

13.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2025.

13.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 20/11/2015, UBND tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*viết tắt là Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND*).

Ngày 04/7/2024, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND Quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Theo đó nội dung quy định tại Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND, do đó cần thiết phải ban hành Quyết định để bãi bỏ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

13.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND

Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND gồm 02 điều, cụ thể:

- *Điều 1:* Quy định về Bãi bỏ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- *Điều 2:* Quy định về điều khoản thi hành.

14. Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 Bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hóa chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*sau đây viết tắt là Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND*)

14.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 12 năm 2025.

14.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 13/3/2012, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND về việc ban hành giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hóa chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 17/3/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 128/QĐ-UBND Công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong

đó đã quy định về đơn giá công tác bốc xếp bằng thủ công thực hiện xây dựng công trình, do đó cần thiết ban hành quyết định bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND để thực hiện theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND để thực hiện theo Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 17/3/2022 của UBND tỉnh Công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, trong đó đã quy định về đơn giá công tác bốc xếp bằng thủ công thực hiện xây dựng công trình.

14.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND

Quyết định số 47/2024/QĐ-UBND gồm 02 điều, cụ thể:

- *Điều 1:* Quy định về Bãi bỏ Quyết định số 04/2012/QĐ-UBND ngày 13/3/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành giá cước bốc xếp bằng thủ công một số loại vật liệu, vật tư, hàng hoá chủ yếu trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

- *Điều 2:* Quy định về điều khoản thi hành.

15. Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND*)

15.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

15.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 77 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: “1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

...b) Ban hành quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng tại địa phương”.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu

dùng nhằm thống nhất quản lý nhà nước trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh; phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong hoạt động quản lý; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với công tác quản lý nhà nước trong hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh.

15.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND

a) Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều, quy định về: Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Điều 1); Hiệu lực thi hành (Điều 2); Tổ chức thực hiện (Điều 3).

b) Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Gồm 03 chương, 14 điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung, gồm 05 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Nguyên tắc phối hợp quản lý; (4) Nội dung phối hợp; (5) Phương thức phối hợp.

- Chương II: Nội dung và trách nhiệm phối hợp, gồm 08 điều quy định về: (1) Trách nhiệm phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, hoàn thiện pháp luật về công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; (2) Trách nhiệm phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; tư vấn, hỗ trợ và nâng cao nhận thức về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nghiệp vụ phục vụ công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tại địa phương; (3) Trách nhiệm phối hợp trong tổ chức hoạt động khảo sát, thử nghiệm; công bố kết quả khảo sát, thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; thông tin, cảnh báo cho người tiêu dùng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; (4) Trách nhiệm phối hợp trong kiểm soát hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung theo thẩm quyền; (5) Trách nhiệm phối hợp trong cung cấp, trao đổi thông tin về công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng theo chức năng, nhiệm vụ được phân công; (6) Trách nhiệm phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (7) Trách nhiệm phối hợp thực hiện chế độ báo cáo kết quả thực hiện quản lý Nhà nước về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; (8) Trách nhiệm phối hợp tiếp nhận, giải quyết phản ánh, yêu cầu, khiếu nại của người tiêu dùng.

- Chương III: Tổ chức thực hiện, gồm 01 điều quy định về trách nhiệm thi hành.

16. Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND*)

16.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

16.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Quyết định số 08/2023/QĐ-TTg ngày 05/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng truyền số liệu chuyên dùng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước quy định: *“Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: ...3. Ban hành Quy chế về quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng tại địa phương”*.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định để thay thế Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành quy chế quản lý, vận hành và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

16.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND

a) *Quyết định số 49/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều, quy định về:* Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (Điều 1); Hiệu lực thi hành (Điều 2); Tổ chức thực hiện (Điều 3).

b) *Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Gồm 03 chương, 09 điều, cụ thể:*

- Chương I: Quy định chung, gồm 04 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Danh mục dịch vụ, ứng dụng; (4) Lắp đặt và quản lý, bảo vệ thiết bị Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

- Chương II: Quy định quản lý, vận hành, kết nối, bảo đảm an toàn thông tin và chất lượng, gồm 02 điều quy định về: (1) Nguyên tắc quản lý, vận hành,

kết nối; (2) Bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Chương III: Tổ chức thực hiện, gồm 03 điều quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông; (2) Trách nhiệm của đơn vị sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; (3) Trách nhiệm của người sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng truy nhập cấp II.

17. Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND)

17.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

17.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 4 Điều 27 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước quy định: “*Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, xây dựng và duy trì hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu trong nội bộ của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác*”.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy chế quản lý, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang để quy định trách nhiệm của các bên có liên quan khi tham gia, sử dụng dịch vụ trên Nền tảng LGSP tỉnh.

17.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND

a) *Quyết định số 50/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều, quy định về:* Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế quản lý, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang (*Điều 1*); Hiệu lực thi hành (*Điều 2*); Tổ chức thực hiện (*Điều 3*).

b) *Quy chế quản lý, vận hành Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) tỉnh Tuyên Quang.* Gồm 03 chương, 16 điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung, gồm 05 điều quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Giải thích từ ngữ; (4) Nguyên tắc chung; (5) Các hành vi bị nghiêm cấm.

- Chương II: Các quy định cụ thể, gồm 08 điều quy định về: (1) Các

thành phần Nền tảng LGSP tỉnh; (2) Yêu cầu đáp ứng Nền tảng LGSP tỉnh; (3) Điều kiện kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; (4) Tài liệu kỹ thuật hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; (5) Quy trình tích hợp, chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng LGSP tỉnh; (6) Quy trình chứng thực và xác thực truy xuất qua Nền tảng LGSP tỉnh; (7) Quản lý, vận hành Nền tảng LGSP tỉnh; (8) Bảo đảm kỹ thuật, nhân lực và an toàn thông tin; (9) Bảo đảm kinh phí.

- Chương III: Tổ chức thực hiện, gồm 02 điều quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông; (2) Trách nhiệm quản lý của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

18. Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND)

18.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang.

18.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Ngày 20/12/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang, đến nay cơ bản nội dung quy định tại Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, do đó cần thiết phải ban hành Quyết định ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang để thay thế Quyết định số 19/2018/QĐ-UBND.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan nhà nước tỉnh Tuyên Quang nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

18.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND

a) *Quyết định số 51/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều, quy định về:* Ban hành kèm theo Quyết định Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (viết tắt là *Hệ thống QLVB* và

ĐH) trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Điều 1*); Hiệu lực thi hành (*Điều 2*); Tổ chức thực hiện (*Điều 3*).

b) Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành, quản lý và vận hành Hệ thống quản lý văn bản và điều hành trong các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm 05 chương, 23 điều, cụ thể:

- *Chương I. Những quy định chung:* Gồm 05 điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng; (3) Giải thích từ ngữ; (4) Nguyên tắc chung; (5) Giá trị pháp lý của văn bản trên Hệ thống QLVB và ĐH.

- *Chương II. Tổ chức Hệ thống QLVB và ĐH:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Địa chỉ, tên của Hệ thống và tài khoản truy cập Hệ thống QLVB và ĐH; (2) Quy định về thể thức và kỹ thuật, định dạng của văn bản điện tử được trao đổi trên Hệ thống QLVB và ĐH; (3) Kết nối với các chương trình quản lý văn bản khác; Quyền sở hữu tài khoản và dữ liệu; (4) Quyền sở hữu tài khoản và dữ liệu.

- *Chương III. Xử lý văn bản trên Hệ thống QLVB và ĐH:* Gồm 05 điều, quy định về: (1) Luân chuyển, xử lý văn bản điện tử trong nội bộ cơ quan; (2) Tiếp nhận và xử lý văn bản đến; (3) Xử lý và phát hành văn bản đi; (4) Yêu cầu tạo lập hồ sơ điện tử; (5) Lưu trữ văn bản và hồ sơ điện tử.

- *Chương IV. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, an toàn thông tin:* Gồm 04 điều, quy định về: (1) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật; (2) Sao lưu văn bản điện tử; (3) Bảo đảm an toàn thông tin; (4) Xử lý sự cố kỹ thuật.

- *Chương V. Tổ chức thực hiện:* Gồm 05 điều, quy định về: (1) Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông; (2) Trách nhiệm của Sở Nội vụ; (3) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị; (4) Điều khoản thi hành; (5) Điều khoản chuyển tiếp.

19. Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Quy định thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND*)

19.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

19.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024:

“Điều 44. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị

...4. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường phố và có thời gian hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị”.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

19.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND

Quyết định số 52/2024/QĐ-UBND gồm 10 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (*Điều 1, Điều 2*); thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời (*Điều 3*); yêu cầu đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện hoạt động vận tải trong đô thị (*Điều 4*); hoạt động vận tải trong đô thị (*Điều 5*); hoạt động vận tải phục vụ vệ sinh môi trường và xe ô tô chở phế thải rời, xe ô tô chở vật liệu xây dựng cho các công trường xây dựng trong đô thị (*Điều 6*); thời gian và phạm vi hoạt động cụ thể cho một số loại xe trong đô thị (*Điều 7*); Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị (*Điều 8*); Tổ chức thực hiện (*Điều 9*); Trách nhiệm thi hành (*Điều 10*).

20. Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá; thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND)

20.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2010 của UBND tỉnh quy định về

quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh để vận chuyển khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

20.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 6 Điều 35, khoản 2 Điều 47, khoản 2 Điều 48 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024:

“Điều 35. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ

6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

Điều 47. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tại địa phương.

Điều 48. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương”.

b) Mục đích ban hành

Kịp thời quy định chi tiết các nội dung được giao tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh.

20.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND

Quyết định số 53/2024/QĐ-UBND gồm 07 điều, quy định về: Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (*Điều 1, Điều 2*); Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ (*Điều 3*); Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hoá (*Điều 4*); Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hoá bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ (*Điều 5*); Tổ chức thực hiện (*Điều 6*); Trách nhiệm thi hành (*Điều 7*).

21. Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 14 cây trồng (Mận bản địa; Na thái;

Hành lấy củ; Tỏi lấy củ; Húng quế; Húng chanh; Tía tô; Thì là; Rau mùi; Mướp đắng rùng; Mã đề; Bạc hà; Cà gai leo; Thanh cao hoa vàng) và 02 vật nuôi (Hươu sao; Ốc bươu) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND)

21.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025.

21.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý: *“Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện*

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ Thông tư này tham khảo xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền.”

Và quy định tại Điều 4 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2035: *“Điều 4. Định mức kinh tế, kỹ thuật thực hiện dự án*

1. Nội dung hỗ trợ quy định tại Điều 5, Điều 6 của Thông tư này được thực hiện theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Ưu tiên áp dụng định mức kinh tế, kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành.

2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế, kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành định mức kinh tế, kỹ thuật bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.”

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định quy định định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 14 cây trồng (Mận bản địa; Na Thái; Hành lấy củ; Tỏi lấy củ; Húng quế; Húng chanh; Tía tô; Thì là; Rau mùi; Mướp đắng rùng; Mã đề; Bạc hà; Cà gai leo; Thanh cao hoa vàng) và 02 vật nuôi (Hươu sao; Ốc bươu) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (là những cây trồng, vật nuôi chưa có định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành) để làm căn cứ triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển

sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện mục tiêu giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững.

21.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND

Quyết định số 54/2024/QĐ-UBND gồm 03 điều, 02 phụ lục, cụ thể:

- *Điều 1:* Quy định về Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.
- *Điều 2:* Quy định về Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 14 cây trồng và 02 vật nuôi, gồm: (1) Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 14 cây trồng được quy định tại Phụ lục số 01; (2) Định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 02 vật nuôi được quy định tại Phụ lục số 02.
- *Điều 3:* Quy định về Điều khoản thi hành.

22. Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (sau đây viết tắt là *Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND*)

22.1. Hiệu lực thi hành: Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

22.2. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Sự cần thiết ban hành

Việc ban hành Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND để thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều 30 Luật Đường bộ năm 2024:

“Điều 8. Phân loại đường bộ theo cấp quản lý

...4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý các loại đường sau đây:

...b) Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn; ...

Điều 30. Kết nối giao thông đường bộ

...5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường quốc lộ đang khai thác;

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác”.

b) Mục đích ban hành

Ban hành Quyết định quy định một số nội dung về quản lý đường bộ,

làm cơ sở để triển khai thực hiện công tác quản lý, bảo trì đường bộ theo đúng quy định, duy trì ổn định và nâng cao khả năng khai thác của hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh, giúp cho giao thông đi lại thuận lợi, thông suốt và an toàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh.

22.3. Nội dung chủ yếu của Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND

a) Quyết định số 55/2024/QĐ-UBND gồm 02 điều, cụ thể:

- Điều 1: Quy định về ban hành kèm theo Quyết định Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (*Điều 1*).

- Điều 2: Quy định về Hiệu lực thi hành. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 và thay thế các quyết định sau: (1) Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về phân công trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác cầu trên đường thôn và đường thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (2) Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; (3) Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý và bảo trì đường bộ thực hiện trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

b) Quy định một số nội dung về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, gồm 04 chương, 15 điều, cụ thể:

- *Chương I. Quy định chung*, gồm 02 điều, quy định về: (1) Phạm vi điều chỉnh; (2) Đối tượng áp dụng.

- *Chương II. Quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì đường địa phương*, gồm 05 điều, quy định về: (1) Phân cấp, giao quản lý đường bộ; (2) Hồ sơ quy trình bảo trì, kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì đường bộ; (3) Bảo trì đường bộ; (4) Xử lý điểm hay xảy ra tai nạn giao thông đường bộ, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông đường bộ; (5) Quản lý, vận hành, khai thác đường bộ; tuần đường và tuần kiểm đường bộ.

- *Chương III. Trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế, cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác; cấp giấy phép thi công công trình trên đường địa phương đang khai thác*, gồm 03 điều, quy định về: (1) Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối với đường địa phương đang khai thác; (2) Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường địa phương đang khai thác; (3) Cấp giấy phép thi công công trình trên đường địa phương đang khai thác và cung cấp thông tin, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thi

công trên đường địa phương đang khai thác.

- *Chương IV. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc thực hiện*, gồm 05 điều, quy định trách nhiệm của: (1) Sở Giao thông vận tải; (2) Ủy ban nhân dân cấp huyện; (3) Ủy ban nhân dân cấp xã; (4) Các Sở, Ban, ngành; (5) Đơn vị bảo trì đường bộ.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành trong tháng 12 năm 2024, Sở Tư pháp xin thông báo./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Cục PBGDPL, Bộ Tư pháp (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (Báo cáo);
- MTTQ và các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các ban, sở, ngành cấp tỉnh;
- Các tổ chức đại diện của DN;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài PTTH tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- UBND huyện, TP;
- Trang TTĐT PBGDPL tỉnh (đăng tải);
- Trang TTĐT Sở TP (đăng tải);
- Lưu: VT, XDKTTHPL&PBGDPL (VTM.Hiền).

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược